

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH
Học kỳ: I - Năm học: 2023 - 2024

Tên môn: 23401276 - CCQ2307A - Giáo dục quốc phòng và an ninh
Giảng viên: Nguyễn Thành Quân - 234006

Số tín chỉ: 05

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP1	BP2	BP3	BP4		BP4		ĐQT (40%)	Ghi chú
						LT1	LT2	ĐL	BS		RL			
1	2123130070	Hồ Thị Minh	Anh	19/04/2005	Công nghệ may C	7.5	7.3	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.3	
2	2123130088	Lê Phan Kim	Anh	29/08/2004	Công nghệ may C	5.8	6.0	6.5	8.3	8.3	7.0	7.0	7.0	
3	2123070017	Lưu Thị Ngọc	Ánh	16/03/2005	Công nghệ da giày A	7.5	6.5	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	
4	2123070012	Quách Gia	Bảo	17/07/2005	Công nghệ da giày A	7.0	5.5	5.0	9.0	9.0	5.0	5.0	6.5	
5	2123290018	Nguyễn Thị Kim	Chi	08/04/2005	Thiết kế thời trang A	7.8	7.8	6.5	8.7	8.7	7.0	7.0	7.6	
6	2123070009	Phạm Hải	Duy	15/08/2005	Công nghệ da giày A	5.5	6.0	5.0	7.7	7.7	5.0	5.0	6.0	
7	2123130093	Nguyễn Thuý	Duyên	02/07/2005	Công nghệ may C	6.3	7.3	6.5	8.3	8.3	7.0	7.0	7.2	
8	2123070027	Nguyễn Minh	Hiếu	24/02/2004	Công nghệ da giày A	5.5	5.3	5.5	2.3	2.3	5.5	5.5	4.6	
9	2123130068	Huỳnh Kim	Hòa	23/02/2005	Công nghệ may C	7.8	8.0	6.5	8.3	8.3	7.0	7.0	7.6	
10	2121210117	Trần Trung	Hoàng	28/04/2002	Công nghệ thực phẩm D	6.0	7.5	8.0	9.3	9.3	9.5	9.5	8.4	
11	2123070007	Trần Văn	Hoàng	06/06/2005	Công nghệ da giày A	6.0	4.8	5.0	6.3	6.3	6.5	6.5	5.9	
12	2123130091	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	30/01/2005	Công nghệ may C	6.5	5.0	7.5	6.7	6.7	7.0	7.0	6.6	
13	2123070020	Nguyễn Huỳnh	Hương	29/06/2005	Công nghệ da giày A	7.0	5.5	7.5	9.3	9.3	9.0	9.0	8.1	
14	2123130077	Nguyễn Thị Thu	Hương	23/10/2005	Công nghệ may C	6.0	7.8	7.5	8.0	8.0	7.5	7.5	7.5	
15	2123130092	Lê Thị Như	Huỳnh	26/10/2005	Công nghệ may C	5.8	7.3	6.5	7.3	7.3	7.0	7.0	6.9	

16	2123070019	Đỗ Viết Gia	Kiệt	09/11/2005	Công nghệ da giày A	3.5	5.0	5.0	4.3	4.3	5.0	5.0	4.6	
17	2123070023	Hoàng Nguyễn Tuấn	Kiệt	15/09/2005	Công nghệ da giày A	5.0	5.5	5.5	8.7	8.7	5.0	5.0	6.2	
18	2123130076	Huỳnh Mỹ	Liên	13/11/2005	Công nghệ may C	7.5	7.8	6.0	8.3	8.3	7.0	7.0	7.4	
19	2123290007	Châu Trần Mỹ	Linh	05/10/2005	Thiết kế thời trang A	6.0	6.0	7.0	10.0	10.0	8.5	8.5	8.0	
20	2123290006	Võ Bùi Mai	Ly	09/04/2005	Thiết kế thời trang A								0.0	
21	2123130089	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/11/2005	Công nghệ may C	7.8	7.5	7.5	9.0	9.0	8.0	8.0	8.1	
22	2123070008	Nguyễn Ngọc Kiều	My	30/03/2005	Công nghệ da giày A	7.8	6.0	6.5	5.3	5.3	7.0	7.0	6.4	
23	2123070011	Hà Thị Kim	Ngân	27/06/2005	Công nghệ da giày A	6.5	5.8	6.0	8.7	8.7	6.0	6.0	6.8	
24	2123070021	Nguyễn Thị Kim	Ngân	31/05/2002	Công nghệ da giày A	8.5	7.5	8.0	9.3	9.3	9.5	9.5	8.8	
25	2123130071	Đặng Như	Ngọc	19/05/2005	Công nghệ may C	5.8	5.3	7.0	5.0	5.0	7.0	7.0	6.0	
26	2123290010	Trần Thiện	Nhân	26/01/2005	Thiết kế thời trang A	7.3	8.0	7.5	10.0	10.0	7.0	7.0	8.1	
27	2123130064	Bùi Thị Hồng	Nhi	25/09/2005	Công nghệ may C	5.0	7.0	6.0	4.7	4.7	9.0	9.0	6.5	
28	2123290014	Đỗ Thị Nguyệt	Nhi	19/10/2005	Thiết kế thời trang A	8.0	7.5	8.0	9.7	9.7	9.5	9.5	8.8	
29	2123290015	Huỳnh Thị Kim	Nhi	02/04/2005	Thiết kế thời trang A	5.5	6.5	7.5	9.0	9.0	7.0	7.0	7.4	
30	2123130069	Nguyễn Phương	Nhi	14/10/2005	Công nghệ may C	5.8	8.0	7.0	8.3	8.3	7.0	7.0	7.3	
31	2123130075	Trần Thanh Yên	Nhi	13/03/2005	Công nghệ may C	8.3	7.5	6.0	5.0	5.0	8.0	8.0	6.8	
32	2123130086	Trịnh Quỳnh	Nhi	08/05/2004	Công nghệ may C	7.5	6.8	6.5	8.3	8.3	7.0	7.0	7.3	
33	2123070004	Văn Thị Yên	Nhiên	05/10/2005	Công nghệ da giày A	6.0	6.5	6.5	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0	
34	2123130085	Lâm Quê	Như	23/11/2005	Công nghệ may C	5.3	8.3	7.5	8.7	8.7	7.0	7.0	7.5	
35	2123290001	Đoàn Huỳnh Hồng	Nhung	18/11/2005	Thiết kế thời trang A	6.8	8.5	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.3	
36	2123070003	Hoàng Thị Kim	Oanh	27/09/2005	Công nghệ da giày A								0.0	
37	2123070022	Quách Triệu	Phú	12/06/2005	Công nghệ da giày A	5.3	5.5	5.0	4.3	4.3	5.5	5.5	5.1	
38	2123290017	Trần Mai Bảo	Quyên	30/01/2005	Thiết kế thời trang A	6.8	7.8	7.5	9.0	9.0	7.5	7.5	7.9	
39	2123290011	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	23/08/2005	Thiết kế thời trang A	5.8	7.0	7.5	7.0	7.0	8.0	8.0	7.2	
40	2123070014	Sơn	Som	22/03/2005	Công nghệ da giày A	6.0	6.3	5.5	8.7	8.7	6.0	6.0	6.7	

41	2123070015	Trần Ngọc Tấn	Tài	10/04/2005	Công nghệ da giày A	4.5	5.3	5.5	8.0	8.0	5.0	5.0	5.9	
42	2123130087	Võ Thị	Thảo	30/12/2004	Công nghệ may C								0.0	
43	2123130078	Phạm Phúc	Thịnh	20/10/2001	Công nghệ may C								0.0	
44	2123070028	Nguyễn Thành	Thơ	03/02/2004	Công nghệ da giày A								0.0	
45	2123070025	Nguyễn Anh	Thư	08/07/2005	Công nghệ da giày A	6.0	6.8	6.0	10.0	10.0	7.0	7.0	7.5	
46	2120240167	Võ Thị Phương	Thúy	12/08/2002	Tiếng Anh F	6.3	6.3	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	
47	2120240219	Trương Thanh	Thủy	15/11/2002	Tiếng Anh F	5.8	8.3	7.0	8.7	8.7	9.0	9.0	8.1	
48	2123290009	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	15/04/2005	Thiết kế thời trang A	5.8	6.8	7.5	9.0	9.0	7.0	7.0	7.4	
49	2123070005	Phạm Thị Huyền	Trâm	23/12/2005	Công nghệ da giày A	6.5	7.3	7.0	9.0	9.0	8.5	8.5	8.0	
50	2123130084	Điền Thị Quỳnh	Trang	25/01/2005	Công nghệ may C	6.3	7.5	7.0	4.3	4.3	7.0	7.0	6.2	
51	2123130082	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/04/2005	Công nghệ may C	4.3	5.3	6.5	7.3	7.3	8.0	8.0	6.7	
52	2123070018	Trần Ngọc	Trình	17/10/2005	Công nghệ da giày A	5.0	7.0	6.5	4.0	4.0	7.0	7.0	5.8	
53	2123290012	Phạm Thị Thanh	Trúc	03/11/2005	Thiết kế thời trang A	6.0	6.8	7.0	9.7	9.7	7.0	7.0	7.6	
54	2123290016	Mai Thị Hồng	Tươi	05/12/2005	Thiết kế thời trang A	5.5	8.3	7.0	6.7	6.7	8.5	8.5	7.3	
55	2123130083	Tường Thị	Út	01/01/2005	Công nghệ may C	7.3	7.3	6.5	9.3	9.3	7.0	7.0	7.7	
56	2123070010	Hoàng Nguyễn Tố	Uyên	13/08/2005	Công nghệ da giày A								0.0	
57	2123070006	Nguyễn Xuân	Văn	27/03/2005	Công nghệ da giày A	7.3	6.0	5.5	9.0	9.0	5.0	5.0	6.7	
58	2123290019	Võ Thành	Văn	05/09/2005	Thiết kế thời trang A	5.3	7.5	6.5	7.0	7.0	8.0	8.0	7.0	
59	2123070002	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	05/08/2005	Công nghệ da giày A	6.0	6.3	6.0	9.0	9.0	7.0	7.0	7.2	

Tp. HCM, ngày 24 tháng 12 năm 2023.

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: I - Năm học: 2023 - 2024

Tên môn: 23401276 - CCQ2307A - Giáo dục quốc phòng và an ninh
Giảng viên: Nguyễn Thành Quân - 234006

Số tín chỉ: 05

Mã MH	STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234012	1	2123130070	Hồ Thị Minh	Anh	19/04/2005	Công nghệ may C	8.3	7.4	7.8	
234012	2	2123130088	Lê Phan Kim	Anh	29/08/2004	Công nghệ may C	7.0	5.4	6.0	
234012	3	2123070017	Lưu Thị Ngọc	Ánh	16/03/2005	Công nghệ da giày A	6.9	6.8	6.9	
234012	4	2123070012	Quách Gia	Bảo	17/07/2005	Công nghệ da giày A	6.5	5.4	5.8	
234012	5	2123290018	Nguyễn Thị Kim	Chi	08/04/2005	Thiết kế thời trang A	7.6	7.4	7.5	
234012	6	2123070009	Phạm Hải	Duy	15/08/2005	Công nghệ da giày A	6.0	3.6	4.6	
234012	7	2123130093	Nguyễn Thuý	Duyên	02/07/2005	Công nghệ may C	7.2	6.4	6.7	
234012	8	2123070027	Nguyễn Minh	Hiếu	24/02/2004	Công nghệ da giày A	4.6	6.4	5.7	
234012	9	2123130068	Huỳnh Kim	Hòa	23/02/2005	Công nghệ may C	7.6	7.0	7.2	
234012	10	2121210117	Trần Trung	Hoàng	28/04/2002	Công nghệ thực phẩm D	8.4	6.2	7.1	
234012	11	2123070007	Trần Văn	Hoàng	06/06/2005	Công nghệ da giày A	5.9	5.4	5.6	
234012	12	2123130091	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	30/01/2005	Công nghệ may C	6.6	4.8	5.5	
234012	13	2123070020	Nguyễn Huỳnh	Hương	29/06/2005	Công nghệ da giày A	8.1	6.0	6.8	
234012	14	2123130077	Nguyễn Thị Thu	Hương	23/10/2005	Công nghệ may C	7.5	6.6	6.9	
234012	15	2123130092	Lê Thị Như	Huỳnh	26/10/2005	Công nghệ may C	6.9	6.4	6.6	

234012	16	2123070019	Đỗ Viết Gia	Kiệt	09/11/2005	Công nghệ da giày A	4.6	3.2	3.8	
234012	17	2123070023	Hoàng Nguyễn Tuấn	Kiệt	15/09/2005	Công nghệ da giày A	6.2	5.2	5.6	
234012	18	2123130076	Huỳnh Mỹ	Liên	13/11/2005	Công nghệ may C	7.4	5.4	6.2	
234012	19	2123290007	Châu Trần Mỹ	Linh	05/10/2005	Thiết kế thời trang A	8.0	4.8	6.1	
234012	20	2123290006	Võ Bùi Mai	Ly	09/04/2005	Thiết kế thời trang A	0.0		0.0	
234012	21	2123130089	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/11/2005	Công nghệ may C	8.1	6.4	7.1	
234012	22	2123070008	Nguyễn Ngọc Kiều	My	30/03/2005	Công nghệ da giày A	6.4	4.2	5.1	
234012	23	2123070011	Hà Thị Kim	Ngân	27/06/2005	Công nghệ da giày A	6.8	5.2	5.8	
234012	24	2123070021	Nguyễn Thị Kim	Ngân	31/05/2002	Công nghệ da giày A	8.8	7.2	7.8	
234012	25	2123130071	Đặng Như	Ngọc	19/05/2005	Công nghệ may C	6.0	4.6	5.2	
234012	26	2123290010	Trần Thiện	Nhân	26/01/2005	Thiết kế thời trang A	8.1	7.4	7.7	
234012	27	2123130064	Bùi Thị Hồng	Nhi	25/09/2005	Công nghệ may C	6.5	7.6	7.2	
234012	28	2123290014	Đỗ Thị Nguyệt	Nhi	19/10/2005	Thiết kế thời trang A	8.8	6.4	7.4	
234012	29	2123290015	Huỳnh Thị Kim	Nhi	02/04/2005	Thiết kế thời trang A	7.4	5.2	6.1	
234012	30	2123130069	Nguyễn Phương	Nhi	14/10/2005	Công nghệ may C	7.3	6.0	6.5	
234012	31	2123130075	Trần Thanh Yên	Nhi	13/03/2005	Công nghệ may C	6.8	7.0	6.9	
234012	32	2123130086	Trịnh Quỳnh	Nhi	08/05/2004	Công nghệ may C	7.3	4.8	5.8	
234012	33	2123070004	Văn Thị Yên	Nhiên	05/10/2005	Công nghệ da giày A	7.0	5.8	6.3	
234012	34	2123130085	Lâm Quê	Như	23/11/2005	Công nghệ may C	7.5	6.0	6.6	
234012	35	2123290001	Đoàn Huỳnh Hồng	Nhung	18/11/2005	Thiết kế thời trang A	7.3	4.8	5.8	
234012	36	2123070003	Hoàng Thị Kim	Oanh	27/09/2005	Công nghệ da giày A	0.0		0.0	
234012	37	2123070022	Quách Triệu	Phú	12/06/2005	Công nghệ da giày A	5.1	3.2	3.9	
234012	38	2123290017	Trần Mai Bảo	Quỳnh	30/01/2005	Thiết kế thời trang A	7.9	6.0	6.7	
234012	39	2123290011	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	23/08/2005	Thiết kế thời trang A	7.2	6.4	6.7	
234012	40	2123070014	Sơn	Som	22/03/2005	Công nghệ da giày A	6.7	4.6	5.5	

234012	41	2123070015	Trần Ngọc Tấn	Tài	10/04/2005	Công nghệ da giày A	5.9	6.4	6.2	
234012	42	2123130087	Võ Thị	Thảo	30/12/2004	Công nghệ may C	0.0		0.0	
234012	43	2123130078	Phạm Phúc	Thịnh	20/10/2001	Công nghệ may C	0.0		0.0	
234012	44	2123070028	Nguyễn Thành	Thơ	03/02/2004	Công nghệ da giày A	0.0		0.0	
234012	45	2123070025	Nguyễn Anh	Thư	08/07/2005	Công nghệ da giày A	7.5	4.8	5.9	
234012	46	2120240167	Võ Thị Phương	Thúy	12/08/2002	Tiếng Anh F	8.0	5.2	6.3	
234012	47	2120240219	Trương Thanh	Thủy	15/11/2002	Tiếng Anh F	8.1	6.2	6.9	
234012	48	2123290009	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	15/04/2005	Thiết kế thời trang A	7.4	3.8	5.3	
234012	49	2123070005	Phạm Thị Huyền	Trâm	23/12/2005	Công nghệ da giày A	8.0	6.4	7.0	
234012	50	2123130084	Điền Thị Quỳnh	Trang	25/01/2005	Công nghệ may C	6.2	5.2	5.6	
234012	51	2123130082	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/04/2005	Công nghệ may C	6.7	5.4	5.9	
234012	52	2123070018	Trần Ngọc	Trinh	17/10/2005	Công nghệ da giày A	5.8	6.2	6.0	
234012	53	2123290012	Phạm Thị Thanh	Trúc	03/11/2005	Thiết kế thời trang A	7.6	6.2	6.8	
234012	54	2123290016	Mai Thị Hồng	Tươi	05/12/2005	Thiết kế thời trang A	7.3	5.6	6.3	
234012	55	2123130083	Tường Thị	Út	01/01/2005	Công nghệ may C	7.7	6.8	7.1	
234012	56	2123070010	Hoàng Nguyễn Tổ	Uyên	13/08/2005	Công nghệ da giày A	0.0		0.0	
234012	57	2123070006	Nguyễn Xuân	Văn	27/03/2005	Công nghệ da giày A	6.7	6.6	6.6	
234012	58	2123290019	Võ Thành	Văn	05/09/2005	Thiết kế thời trang A	7.0	6.4	6.7	
234012	59	2123070002	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	05/08/2005	Công nghệ da giày A	7.2	5.2	6.0	

Tp. HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân